

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/DS-ST
Ngày: 26-5-2021
V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**
2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Bà **Trần Thị Kim C** - sinh năm 1967,
2. Ông **Lê Văn H** - sinh năm 1965,
Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã MĐ, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hồng T** - sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà 84, tổ 32, khóm 4, Phường 6, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 26/01/2021).

- Bị đơn: 1. Bà **Nguyễn Thị Út X** - sinh năm 1973,
2. Ông **Phan Thành T** - sinh năm 1969,
Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp 3, xã TN, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.
(Ông **Hồng T** có mặt, bà **X** và ông **Thành T** đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 18/12/2020, lời trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Kim C, ông Lê Văn H ủy quyền cho ông Nguyễn Hồng T trình bày:*

Vào ngày 26/8/2019, bà Nguyễn Thị Út X và chồng là ông Phan Thành T có vay của ông Lê Văn H và bà Trần Thị Kim C số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để làm kinh tế gia đình, chủ yếu là phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày của cả gia đình, bà X có xác lập giấy nhận nợ (gọi tắt là biên nhận) do chính bà X viết và ký tên đề ngày 26/8/2019 có thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị Út X và ông Phan Thành T có mượn của bà Trần Thị Kim C và ông Lê Văn H số tiền 100.000.000 đồng, trong biên nhận có thể hiện rõ người nhận nợ là bà Nguyễn Thị Út X và ông Phan Thành T nhưng người ký tên thì chỉ có một mình bà X; hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, hình thức đóng lãi hàng tháng và có thỏa thuận khi nào ông H, bà C cần tiền thì thông báo cho ông T, bà X biết trước 30 ngày để trả tiền lại (việc chỉ thỏa thuận chỉ bằng lời nói, không có lập thành văn bản).

Từ ngày vay đến nay ông T và bà X không có đóng tiền lãi và cũng không trả vốn cho ông H và bà C.

Theo đơn khởi kiện, ông Lê Văn H và bà Trần Thị Kim C yêu cầu ông Phan Thành T và bà Nguyễn Thị Út X phải trả có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H và bà C số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 26/8/2019 đến 26/8/2020 là 15 tháng $\times 0,833\% \times 100.000.000$ đồng là 12.495.000 đồng. Tổng số tiền mà ông T và bà X phải trả cho ông H và bà C là 112.495.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất như sau: Yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả lãi suất cho nguyên đơn với mức lãi suất 0,833%/tháng do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn là 05 tháng với tổng số tiền là 4.165.000 đồng; đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh với mức lãi suất 0,833%/tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

* Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Út X và ông Phan Thành T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo kết quả phiên họp cùng các giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án.

* Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án Bản gốc Biên nhận đề ngày 26/8/2019 có thể hiện số tiền vay là 100.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị Út X tự viết và ký tên. Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết đồng thời đã triệu tập các đương sự để được tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn không đến và cũng không có ý kiến gì đối với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 05/5/2021 và ngày 26/5/2021, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim C và ông Lê Văn H yêu cầu bị đơn là ông Phan Thành T và bà Nguyễn Thị Út X có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.165.000 đồng, tổng cộng tiền vốn vay và lãi suất là 104.165.000 đồng.

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 26/8/2019, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận vay số tiền là 100.000.000 đồng, đã được nguyên đơn chứng minh bằng biên nhận đề ngày 26/8/2019 do bà Nguyễn Thị Út X đã viết và ký tên, đã thể hiện đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Mặc dù Giấy biên nhận vay tiền mà nguyên đơn cung cấp chỉ thể hiện có một mình bà X ký tên nhưng tại thời điểm vay tiền bà X và ông T là vợ chồng và đang chung sống với nhau, mục đích của việc vay tiền là để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; do đó, chồng bà X là ông Phan Thành T phải có nghĩa vụ cùng bà X liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng đã vay cho nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 20 Điều 3, Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

[3.3] Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử

xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là có thật nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay nêu trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.4] Đối với yêu cầu về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất 0,833%/tháng kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm làm tròn là 5 tháng với số tiền là 4.165.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi bị đơn hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo nội dung biên nhận vay tiền đề ngày 26/8/2019 do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án không có thể hiện việc hai bên có thỏa thuận về lãi suất, không có quy định về thời hạn trả nợ. Như vậy, giao dịch giữa hai bên là hợp đồng vay không có lãi suất nên nghĩa vụ trả nợ phải phát sinh kể từ ngày khởi kiện, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ với mức lãi suất 0,833%/tháng; do đó yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 20 Điều 3, Điều 27 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim C và ông Lê Văn H. Buộc ông Phan Thành T và bà Nguyễn Thị Út X có trách nhiệm liên trả cho bà Trần Thị Kim C và ông Lê Văn H số tiền vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/5/2021) với số tiền là 4.165.000 đồng (bốn triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), tổng cộng tiền vốn vay và lãi suất là 104.165.000 đồng (một trăm lẻ bốn triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.208.250 đồng, buộc ông Phan Thành T và bà Nguyễn Thị Út X phải liên đới chịu.

+ Bà Trần Thị Kim C và ông Lê Văn H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012155 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Trường Chinh